PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN TỬ KỲ

A-DH01-HKI8-1314

ĐỀ KIỂM TRA HỌC K Ỳ I

Năm học: 2013- 2014 MÔN: TIẾNG ANH - LỚP 8 Thời gian làm bài: 45 phút

(Để này gồm 02 trang)

A - LISTENING I. Listen to a passage	and do exercise: Ma	tching (2.0 nts)		
A		B		
1. On Monday evenin	g	a. meet a friend at 8. 30		
•		b. go to a party		
· ·		c. go to the movies		
4. On Thursday evening		d. do nothing		
5. On Saturday evening	ıg	e. work late for the meeting		
		f. meet a dentist		
B - VOCABULARY A	AND GRAMAR			
I. Choose the best opt	tion (A, B or C) to co	mplete each sentence below. (1.0 pt)		
1. Lan has				
A. black short hair	B. short black hai	r C. hair black short		
2. He enjoys to r	nusic in the evening.			
A. to listen	B. to listening	C. listening		
3. An: Did someone	help him repair that d	loor?		
Hoa: I think he did	it			
A. myself	B. herself	C. himself		
4. Westamps	s since last year.			
A. collected	B. have collected	C. has collected		
5. The doctor asked hi	m a rest.			
A. to take	B. take	C. taking		
II. Write the right for	ms of the verbs in the	O		
1. Mr. Jones used to (s	v	• • •		
2. Lan is going (invite	·			

- 2. Lan is going (invite) some friends to her birthday next week.
- 3. I sometimes spend most of my free time (watch) TV.
- 4. You often (travel) to work by bus?
- 5. They (not see) him for 5 years.

C - LANGUAGE FUNCTION

Complete the dialogues with suitable expressions. (1.0 pt)

- 1. A: (1).....help you?
 - B: Yes. Thank you. Could you carry this bag for me?
- 2. A: (2)...... any help?
 - B: No. (3)..... I'm fine.
- 3. A: Oh. This bag is heavy.
 - B: Let (4).....you.
 - A: Yes. That's very (5)..... of you.

D - READING

Read the passage then do exersices below.

On March 3, 1847, Alexander Graham Bell was born in Edinburgh. He was a Scotsman although he later emigrated, first to Canada and then to the USA in 1870s. In America, he worked with deaf-mutes at Boston University. Soon, Bell started experimenting with ways of transmitting speech over a long distance. Bell and his assistant, Thomas Watson, conducted many experiments and finally came up with a device which they first introduced in 1876.

Traveling all over America, Bell demonstrated his invention to the public at *countless* exhibitions, and by 1877 the first telephone was in commercial use.

commess eximinations	s, and by 1011 are mist	terephone was in com	inciciai asc.
a. Choose the best o	ption. (1.5 pts)		
1. Alexander Grahan	n Bell was born in		
A. America	B. Scotland	C. Canada	D. Scotsman.
2. His birthday was o	on		
A. March three	B. the third March	C. March the third	D. three March
3. " <i>Deaf-mute</i> " mea	ns		
A. can hear and can	speak	B. can hear but can't	t speak
C. can't hear and car	ı't speak	D. can't hear but car	ı speak
4. Bell and Watson f	irst introduced the telep	phone in	
A. 1870	B. 1876	C. 1877	D. 1878
5. The word <i>countles</i>	ss in line 8 means:		
A. lot of	B. a few	C. a little	D. many
b. Answer the questi	ions. (1.0 pt)		
1. When did Alexand	der Graham Bell go to t	the USA?	
2. Who was Thomas	Watson?		
E - WRITING			
I. Rewrite the senter	neces using the words g	given keep the same n	neaning. (1.0 pt)
1. Nam is very tall. I	He can play volleyball.	(enough)	
→ Nam is		•••••	•••••
2. "Can you open the	e door, please?" Lan sai	id to Ba.	
→ Lan asked Ba	-		•••••
3. Nga speaks Englis			
	•	•••••	•••••
	sh their homework care		
•	given to write a paraş		s) about Susan. (1.5
pts)	9., I I I I	g	, ·
• •	Name: Susan	Age: 14	
	Appearance: slim, sh	•	
		le, humorous, helpful	
		Road, London.	
		ther, younger brother	- Tom
	Friends: Sam, Mar		
Beginning with:	~~~~, 1/10//	<i>J</i> ·	
She is			
	The I	End	

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN TỨ KỲ

A-DH01-HKI8-1314

HƯỚNG DẪN CHẨM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Năm học 2013-2014 MÔN: TIẾNG ANH – LỚP 8

MÔN: TIÊNG ANH – LỚP 8 Thời gian làm bài: 45 phút (Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhâ	NIL 2 1:54 TDL 2 1:5		, hiểu		Vận dự	ıng		Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Thấp		Ca	Cao	
	TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
LISTENING	Liste	n to a pass	age about an	arrangemer	nt and fill i	n the b	lank with	a suitabl	e word
Số câu hỏi	5								5
Số điểm	2.0								2.0 20%
VOCABULAR Y AND GRAMMAR	infinitiv	/ To – ve Reflexive	- The presentense To be goin - Ving / To	ng to		,			
Số câu hỏi	5		5						10
Số điểm	1.0		1.0						2.0 20%
LANGUAGE FUNCTION			- Comp	lete the					
Số câu hỏi			5						5
Số điểm			1.0						1.0 10%
READING	Read		about Alexan					cises:	
	5		2						7
	1.5		1.0						2.5 25%
WRITING	- Rewri		ences using to habout Susa		p the same	meanii	ng.		23 /0
Số câu hỏi						5		1	6
Số điểm									2.5
						1.0		1.5	25%
Tổng số câu hỏi	15		12		6	1			33
Tổng số điểm		4.5		3.0				2.5	10

II. HƯỚNG DẪN CHẨM

Questions	Keys	Marks
A - Listening (2 pts)	1-b 2-e 3-d 4-a 5-c	0.4 for each
B - Grammar Vocabulary I - (1.0 pt)	1. B 2. C 3. C 4. B 5. A	0.2 for each
II - (1.0pt)	1. smoke 2. to invite 3. watching 4. Do you often travel? 5. haven't/ have not seen	0.2 for each
C. Language function (1.0 pt)	1- Can I / May I 2 – Do you need 3 – Thanks / Thank you 4 – me help 5 – kind / nice	0.2 for each
D - Reading (2.5 pts)	a. Choose the best option: 1. B 2. C 3. C 4. B 5. D	0.3 for each
	 b. Answer the questions: 1. He went to the USA in 1870s. 2. Thomas Watson / He was Bell's assistant. (He was an assistant of Bell.) 	0.5 for each
E - Writing I - (1.0 pt)	 Rewrite the senteneces using the words given keep the same meaning. Nam is tall enough to play volleyball. Lan asked Ba to open the door. Nga is very good at speaking English. They should finish their homework carefully. 	0.25 for each
II - (1.5 pts)	 II. Use the prompts given to write a paragraph (50 – 70 words) about Susan. + Contents: + Language: accurate vocabulary and grammar. 	

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN TỬ KỲ

A-DH01-HKI8-1314

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BÀI NGHE ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Năm học 2013-2014

MÔN: TIẾNG ANH – LỚP 8

A - LISTENING (2 pts)

Giáo viên đọc cho học sinh nghe (2 lần) và cho học sinh làm bài vào đề kiểm tra, sau đó chép lại phần bài làm này vào giấy kiểm tra.

Nếu nhà trường không đủ giáo viên Tiếng Anh thì phân công giáo viên đi lần lượt các phòng để đọc.

Chú ý:

- Trước khi đọc giáo viên dành từ 1 đến 2 phút cho học sinh chuẩn bị.
- Trong khi đọc giáo viên cần đọc với tốc độ bình thường, không đọc quá nhanh hoặc quá chậm.

Tapescript:

On Monday evening, I went to a party with my friend, Nam. This evening – Tuesday evening, I'm working late for the meeting tomorrow. I'm not doing anything on Wednesday evening. On Thursday evening I'm meeting Long at 8.30. I have an appointment with my dentist on Friday evening. I'm seeing him at 6.30. Then on Saturday I will go to the movies with my family.